

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2023/HS-PT
Ngày 19 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Lê Thanh Lan, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thanh L**, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1991 tại Quảng Nam; nơi ĐKNKTT: thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi ở: xã B, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê B và bà Võ Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; Quá trình nhân thân: Ngày 25/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 26/10/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm, chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam đến ngày 01/3/2012 ra trại về địa phương lao động tự do. Đã thi hành xong các quyết định của bản án. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt theo lệnh trích xuất.

Những bị cáo không kháng cáo nhưng liên quan đến kháng cáo được triệu tập:

1. Phạm Thị Tr, sinh ngày 28/11/1993 tại tỉnh N; nơi ĐKNKTT: xã H, huyện Đ, tỉnh Gi; nơi ở: Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do. Đã bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q xét xử sơ thẩm và xử phạt 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015 và 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, tổng hợp hình phạt hai tội 06 năm 09 tháng tù. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày

07/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt theo lệnh trích xuất.

2. Nguyễn Thị Thanh Th, tên gọi khác: không; sinh ngày 18/3/1999 tại tỉnh Gi; nơi ĐKNKTT: Thôn Nh, xã A, huyện M, tỉnh Gi; nơi ở: Tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Lao động tự do. Đã bị Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q xét xử sơ thẩm và xử phạt 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt theo lệnh trích xuất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức H, sinh ngày 25/12/1981; địa chỉ: thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh ngày 21/6/2002; địa chỉ: Ngõ 36 Lý Thường Kiệt, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

3. Chị Phan Công Hoài Gi, sinh ngày 19/6/2001; địa chỉ: Ngõ 36 Lý Thường Kiệt, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Gi, sinh ngày 24/10/1991; địa chỉ: Tổ dân phố Ph, phường Ph, thành phố Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 07/10/2022, tại phòng số 05 tầng 1 nhà trọ số 07, ngõ 36 Lý Thường Kiệt thuộc tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đ phối hợp Công an phường Đ phát hiện, bắt quả tang Lê Thanh L, Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Hồng Nh và Phan Công Hoài Gi. Thu giữ tại phòng 01 túi nilon bên trong chứa 02 viên nén không rõ hình dạng, màu nâu là chất ma túy, loại MDMA; 01 túi nilon bên trong chứa chất màu trắng là ma túy, loại Ketamine và các đồ vật liên quan.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và quá trình điều tra có cơ sở để xác định: Tối ngày 06/10/2022, Phạm Thị Tr, Nguyễn Đức H, Lê Thanh L và Nguyễn Thị Thanh Th ăn nhậu và hát karaoke tại xã B, thành phố Đ. Khi đang hát Karaoke, L nói với Tr: “Lấy đồ về chơi”, Tr hiểu L nói lấy ma túy về để tổ chức bay lắc. Đến 23 giờ cùng ngày, Tr nói với L “Đi về phòng chơi hè” với ý định rủ L về phòng trọ của Tr và Th đang ở để sử dụng ma túy, L đồng ý. Tr hỏi L “lấy bao nhiêu đồ?”, L nói: “Lấy bốn con hai chỉ”, Tr hiểu là lấy 04 viên ma túy loại “Kẹo” và 02 chỉ ma túy loại “Ketamine”. Tr liên hệ người phụ nữ không rõ lý lịch, tự xưng là “Hồng” hỏi mua 04 viên ma túy loại “Kẹo”, 02 chỉ “Ketamine” và thuê thêm đèn nháy với tổng số tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó L và Tr ra khỏi phòng hát để chuyển số tiền 3.000.000 đồng cho “Hồng” nhưng do kết nối Internet yếu không thực hiện được, nên cả hai vào lại phòng hát. Tiếp đó Tr rủ Th: “Về phòng mình bay”, Th đồng ý. L rủ H về phòng Tr và Th chơi, H nghĩ L rủ về phòng để quan hệ tình dục nên đồng ý. Cả bốn người cùng đi về phòng trọ của Tr và Th ở

phòng số 05 tầng 1 dãy trọ số 07, ngõ 36 Lý Thường Kiệt, phường Đ. Do đã thống nhất từ trước với L và phòng trọ có sẵn loa, Tr tiếp tục liên hệ với “Hồng” để đưa ma túy và đèn nháy đến. “Hồng” đồng ý rồi đưa ma túy, đèn nháy đến để trước cửa phòng và báo cho Tr ra lấy. Sau khi nhận được ma túy, Tr để ma túy trên bàn trang điểm, bẻ 01 viên “Kẹo” thành 04 phần, tự dùng một phần, đưa cho Th một phần rồi để lại trên bàn cho mọi người còn lại ai dùng thì tự lấy. Tiếp đó, Tr lấy đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút tự chế có sẵn trong phòng từ trước ra để dưới nền nhà và trực tiếp xào ma túy loại Ketamine, cùng lúc đó Tr nhắn tin cho Phan Công Hoài Gi rủ xuống cùng sử dụng ma túy. Khi đó, Th nói với Tr hỏi khách xem có cho Nguyễn Thị Hồng Nh xuống chơi cùng được không. Tr nói: “Cứ bảo nó xuống đi không sao đâu” thì Th nhắn tin rủ Nh xuống phòng để cùng sử dụng ma túy. Một lúc sau, Th ra mở cửa cho Nh vào cùng chơi. Khi Gi xuống, Nh ra mở cửa cho Gi. Tr xào Ketamine xong thì mang theo đĩa đưa lần lượt cho Th, H, L, Nh, Gi sử dụng và tự mình sử dụng, rồi để đĩa lại dưới nền nhà, ai sử dụng thêm thì tự xuống sử dụng. Trong quá trình cả nhóm đang sử dụng ma túy Tr nói với L thanh toán tiền cho Tr. L đồng ý chuyển cho Tr 10.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền mua ma túy, còn lại là tiền công của Tr và Th phục vụ ăn nhậu, hát Karaoke trước đó, nhưng do thao tác sai nên L đã chuyển nhầm đến tài khoản Ngân hàng Quân đội số 0400188108888 của chị Nguyễn Thị Gi. Đến 01 giờ 30 phút ngày 07/10/2022, khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra, lời khai của Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ thu giữ được. Tại biên bản phạm tội quả tang Lê Thanh L thừa nhận hành vi của mình, khai báo phù hợp với lời khai của Tr và Th. Quá trình điều tra, Lê Thanh L nhiều lần thay đổi lời khai, khai báo không thành khẩn, lúc thừa nhận, lúc không thừa nhận việc có nhắn tin với Tr về nội dung liên quan đến việc mua ma túy và về khoản tiền 10.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng mua ma túy, không thừa nhận bản thân có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 1167/KL-KTHS ngày 13/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 02 viên nén không rõ hình dạng, màu nâu (mẫu kí hiệu A1) là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,96g; chất màu trắng (mẫu kí hiệu A2) là chất ma túy, loại Ketamine khối lượng 0,435g.

Kết luận giám định xác định số ma túy thu giữ của Phạm Thị Tr và Lê Thanh L có 02 loại. Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, quy định việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, thì tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ được xác định như sau: MDMA khối lượng là 0,96 gam có tỷ lệ so với mức tối thiểu quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (5g) là: $(0,96 \text{ g} : 5\text{g}) \times 100\% \text{ điểm} = 19,2\%$. Ketamine có tổng khối lượng 0,435g có tỷ lệ so với mức tối thiểu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (20g) là: $(0,435\text{g} : 20\text{g}) \times 100\% = 2,175\%$. Tổng tỷ lệ phần trăm khối lượng các chất ma túy là: $19,2\% + 2,175\% = 21,375\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%). Vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là dưới 100%, nên tổng khối lượng

các chất ma túy thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ: 01 phong bì thư đã được niêm phong số 1167/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, trên phong bì niêm phong có ghi chữ “Mẫu ký hiệu A1 và A2”, hoàn trả sau giám định bên trong chứa: 0,82g MDMA mẫu ký hiệu A1; 0,278g Ketamine mẫu ký hiệu A2 và toàn bộ vỏ bao gói; 01 ống hút hình trụ tròn dài 13 cm, đường kính 0,7 cm; 01 thẻ nhựa màu cam, trên có ghi HERMES PARIS, chiều dài 8,5cm, chiều rộng 5,3cm; 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 25 cm; 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 15 cm; 01 loa nhãn hiệu Harman/Kardon, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 đèn nháy không rõ nhãn hiệu, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 đèn Laser không rõ nhãn hiệu, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu vàng, số Imei: 353904108756996, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu đen, số Imei: 353807089236781, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, màu vàng, số Imei: 352863112161000, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự số 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q. Quyết định tuyên bố các bị cáo Lê Thanh L, Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lê Thanh L, Phạm Thị Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Đối với bị cáo Lê Thanh L: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh L 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Xử phạt bị cáo Lê Thanh L 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt hai tội 08 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2022.

Đối với bị cáo Phạm Thị Tr: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tr 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt hai tội 06 năm 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2022.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh Th: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2022.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng vụ án, tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 26/7/2023, bị cáo Lê Thanh L kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử chưa đúng người, đúng tội. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét minh oan cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thanh L giữ nguyên kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo chuyển cho chị Nguyễn Thị Gi để nhờ rút tiền, không phải chuyển cho bị cáo Tr để mua ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và bị cáo đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Lê Thanh L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q về tội danh và hình phạt đối với bị cáo L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 26/7/2023, bị cáo Lê Thanh L có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q. Đơn kháng cáo của bị cáo L đảm bảo về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Tr và Th đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, phần tội danh, hình phạt áp dụng đối với bị cáo Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nếu thấy cần thiết có thể công khai tại phiên tòa, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thanh L khai nhận trong quá trình điều tra, truy tố, thể hiện biên bản bắt người phạm tội quả tang, lấy lời khai, hỏi cung bị cáo đều thừa nhận không bị ép cung, bức cung, nhục hình mà

bị cáo hoàn toàn tự nguyện khai báo và ký vào các biên bản, nhưng bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Số tiền 10.000.000 đồng bị cáo chuyển cho chị Nguyễn Thị Gi để nhờ rút tiền, không phải chuyển cho Tr để mua ma túy. Tuy nhiên, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL49), biên bản lấy lời khai (BL 103, 105), biên bản hỏi cung (BL 107), bị cáo L đều khai và thừa nhận “Tôi và Tr thỏa thuận từ trước, tiền công tôi phải đưa cho Tr để đi nhậu và hát Karaoke cùng tôi là 7.000.000 đồng cho cả Tr và Th, còn số tiền 3.000.000 đồng đưa cho Tr để trả tiền ma túy. Sau khi xong bay lắc mà thiếu tiền tôi trả tiếp cho đủ, nếu thừa tiền tôi cho Tr luôn và đã chuyển tiền cho Tr nhưng nhầm cho Gi”. Ngoài ra, tại tin nhắn trước đó vào lúc 23 giờ 39 phút ngày 03/10/2022 giữa bị cáo L và Tr thể hiện (BL208) L nhắn tin cho Tr “Em giờ còn làm không, em lấy đồ được không, anh qua mình bay, kẹo và khay”. Tr trả lời “Em chịu đó anh, mấy khoản đó em không biết, bạn em mới bị bắt 7 năm, em hãi rồi”. Với lại, tại các biên bản lấy lời khai của bị cáo Tr (BL 84, 86) và các biên bản hỏi cung (BL89, 91, 93, 94, 95) bị cáo Tr đã khai và thừa nhận “Lúc đang hát Karaoke thì L có nói với tôi là lấy đồ về chơi, tôi hiểu là lấy ma túy về tổ chức bay lắc... Vì lúc đó 23 giờ, nên tôi nói với L về phòng trọ của tôi để bay lắc, sử dụng trái phép chất ma túy, anh L đồng ý. Tôi hỏi anh L lấy bao nhiêu đồ thì anh L nói lấy “4con, 2 chỉ” tức là 04 viên ma túy “Kẹo” và hai chỉ ma túy loại Ketamin. Tôi liên hệ với người tên “Hong” thì được báo giá 3.000.000 đồng. Sau đó, tôi nói lại giá tiền ma túy với L và cùng nhau ra khỏi phòng để L thực hiện thao tác chuyển tiền, nhưng do kết nối Internet yếu nên không thực hiện được”. “Khi đang sử dụng ma túy trong phòng, tôi có nói L chuyển tiền cho tôi thanh toán tiền “Đồ” (tức tiền ma túy). Sau đó L xin số tài khoản của tôi để thực hiện việc chuyển tiền với số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng là tiền mua ma túy, còn lại là tiền công của tôi và Th, nhưng do thao tác nhầm nên L đã chuyển nhầm số tiền L định chuyển cho tôi sang người khác”. Và tại lời khai của chị Nguyễn Thị Gi “khoảng 00 giờ ngày 06/10/2022, tôi nhận được tin nhắn chuyển tiền từ L, với số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó L nhắn tin lại cho tôi là L có chuyển nhầm tiền vào tài khoản của Gi và nhờ Gi chuyển lại” (BL217) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, các lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét, thấy: Tối ngày 06/10/2022, L, H, Tr, Th ăn nhậu và hát Karaoke, L nói với Tr “Lấy đồ về chơi”, Tr hiểu lấy ma túy về bay lắc. Đến 23 giờ Tr nói với L “đi về phòng chơi hè” với ý định Tr rủ L về phòng trọ của Tr và Th để sử dụng ma túy, L đồng ý. Tr hỏi L “lấy bao nhiêu đồ”, L nói “lấy 04 con 02 chỉ” Tr hiểu lấy 04 viên ma túy loại “Kẹo” và 02 chỉ ma túy loại Ketamin. Tr liên hệ với người phụ nữ tên “Hong” thì được Hong báo giá 3.000.000 đồng. Sau đó L và Tr ra khỏi phòng hát để chuyển tiền cho Hong nhưng do Internet yếu không thực hiện được. Sau đó cả nhóm rủ nhau về phòng trọ của Th và Tr để sử dụng ma túy. Trong quá trình cả nhóm sử dụng ma túy Tr nói L thanh toán tiền cho Tr. L đồng ý chuyển cho Tr số tiền 10.000.000 đồng, trong đó 3.000.000 đồng tiền mua ma túy, còn lại tiền công của Tr và Th phục vụ ăn nhậu và Hát Karaoke, nhưng do thao tác nhầm nên L chuyển nhầm số tiền L định chuyển cho Tr sang chị Nguyễn Thị Gi. Đến khoảng 01 giờ 30 phút

ngày 07/10/2022, tại phòng số 05 tầng 01 nhà trọ số 07, ngõ 36 đường Lý Thường Kiệt thuộc tổ dân phố 7, phường Đ, thành phố Đ, khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đ, phối hợp Công an phường Đ phát hiện, bắt quả Lê Thanh L, Phạm Thị Tr và Nguyễn Thị Thanh Th đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Hồng Nh, Phan Công Hoài Gi và thu giữ số lượng ma túy chưa sử dụng hết là 0,96g MDMA và 0,435g Ketamine. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bị cáo Lê Thanh L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, chấp nhận ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh L, giữ nguyên tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Thanh L tại bản án sơ thẩm 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Lê Thanh L không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh L, giữ nguyên bản án số 69/2023/HS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh L phạm các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249, Điều 38 và Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh L 07 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Lê Thanh L 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt hai tội 08 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thanh L với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án (theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử).

3. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Lê Thanh L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Tòa án TP.Đồng Hới;
- VKSND TP.Đồng Hới;
- Công an TP.Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP.Đồng Hới;
- Bị cáo;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Viết Hải